TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 11 - 2017
"V/v tranh chấp về ly hôn
giữa ông A và bà R"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Minh

2. Ông Nguyễn Văn Cư

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Phũm Soài, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An giang.

Bị đơn: Bà R, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 560, ấp Phũm Soài, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An giang.

Tại phiên tòa, ông A có mặt, bà R vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2017, trong quá trình xét xử tại Tòa nguyên đơn ông A trình bày:

Về hôn nhân: Ông A với bà R kết hôn do mai mối, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 12/2005, quyển số: 01/2015

do UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu cấp ngày 18 tháng 02 năm 2005. Quá trình sống chung không có hạnh phúc, do bà R không tôn trong bên gia đình chồng và chồng, chỉ quan tâm đến tiền, từ nguyên nhân đó vợ chồng thường xuyên cự cải, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vì muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nên ông cố gắng chịu đựng, đến khi có con ông cố gắng sống vì con.

Tại phiên tòa hôm nay ông A xác định, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà R, vì ông với bà R không còn sống chung từ ngày 30 tháng 4 năm 2016 cho đến nay và theo phong tục tập quán của Đạo Hồi, khi đã nói ly hôn với bên đạo thì không thể đoàn tụ sống chung được. Vì vậy, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà R.

Về con chung: Ông A với bà R có được hai đứa con chung tên MOU SA KA RIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013. Ông A đồng ý giao 02 đứa con chung cho bà R được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 đứa con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2017.

Về tài sản chung: Ông A xác định, ông với bà R không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông A xác định, ông với bà R không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2017, bị đơn là bà R thống nhất theo lời trình bày của ông A về điều kiện kết hôn, về thời gian sống chung. Bà R cho rằng, giữa bà với ông A không có xảy ra mâu thuẩn nghiêm trọng, chỉ bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải, ông A đã bỏ nhà đi từ ngày 30 tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung, bà đã nhiều lần năn nỉ ông A trở về đoàn tụ sống chung nhưng ông A không đồng ý, do còn thương ông A nên bà không đồng ý ly hôn, bà yêu cầu được đoàn tụ sống chung với ông A để nuôi dạy 02 đứa con cho nên người.

Về nuôi con chung: Bà R yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai đứa con chung tên MOU SA KA RIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013, bà yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi 02 đứa con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà R xác định, bà với ông A không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà R xác định, bà với ông A không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông A có mặt, bà R vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 203, Điều 235, Điều 237 và Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc "Tranh chấp về ly hôn" với bà R.

- Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông A khởi kiện về việc "Tranh chấp về ly hôn" với bà R đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà R có địa chỉ cư trú tại số 560, tổ 11, ấp Phũm Soài, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Gian nên Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà R vẫn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, sự vắng

mặt của bà R không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ kiện nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà R theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông A với bà R kết hôn do mai mối, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 12/2005, quyển số: 01/2015 do UBND xã Châu Phong cấp ngày 18 tháng 02 năm 2005 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét lời khai của ông A thấy rằng, trong thời gian vợ chồng sống chung thì bà R không có quan tâm chăm sóc đến ông và cũng không tôn trọng gia đình bên chồng, bà R chỉ biết quan tâm đến tiền, do làm ăn thất bại thiếu nợ khoảng 30.000.000 đồng, ông A kêu bà R đưa tiền cho ông trả nợ nhưng bà R không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cự cải, dẫn đến bất đồng quan điểm sống và ly hôn theo phong tục tập quán Đạo Hồi từ ngày 30 tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Theo biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2017 thì bà R yêu cầu được đoàn tụ sống chung với ông A nhưng ông A không đồng ý đoàn tụ theo yêu cầu của bà R. Xét thấy, hôn nhân thì được xây dựng trên cơ sở tình cảm để xây dựng một gia đình ấm no hạnh phúc, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau thì mới có khả năng đoàn tụ sống chung được. Tại phiên tòa hôm nay, ông A khẳng định ông không còn tình cảm với bà R nên ông A cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà R là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A. Do đó, về quan hệ hôn nhân: Ông A được ly hôn với bà R.

[4] Về nuôi con chung: Ông A đồng ý giao hai đứa con chung tên MOUSAKARIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 cho bà R được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu MOUSAKARIM và cũng không trái với đạo đức xã hội, còn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận việc nuôi con chung giữa ông A với bà R.

Bà R được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai đứa con chung tên MOU SA KA RIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013, bà R phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ông A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Việc nuôi con không cố định, ông A được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung khi có thỏa thuận về việc người trực tiếp nuôi con hoặc bà R không còn đủ

điều kiện nuôi con và cố tình cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung của ông A.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo biên bản hòa giải ngày 10 tháng 8 năm 2017 thì bà R yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi hai đứa con chung tên MOUSAKARIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013, mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông A không đồng ý cấp dưỡng nuôi hai đứa con theo yêu cầu của bà R, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 đứa con mỗi tháng 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà R cao hơn quy định của pháp luật và không được sự đồng ý của ông A nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, tại tòa hôm nay ông A có thay đổi mức cấp dưỡng nuôi hai đứa con là 2.000.000 đồng/01tháng. Xét thấy, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai đứa con chung tên MOUSAKARIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi các con ông trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai đứa con của ông A.

[4] Về tài sản chung: Ông A xác định, ông với bà R không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông A xác định, ông với bà R không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Ông A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0012292 ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ông A còn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc "Tranh chấp về ly hôn" với bà R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông A được ly hôn với bà R.

2. Về nuôi con chung: Bà R được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai đứa con chung tên MOU SA KA RIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013, bà R phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ông A được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Việc nuôi con không cố định, ông A được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung khi có thỏa thuận về việc người trực tiếp nuôi con hoặc bà R không còn đủ điều kiện nuôi con và cố tình cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung của ông A.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của ông A về việc cấp dưỡng nuôi hai đứa con chung tên MOU SA KA RIM, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và NOOR HALIZA, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi các con ông trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2017.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0012292 ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Ông A còn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- CC.THADS thị xã Tân Châu;
- UBND xã Châu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Đỗ Thị Thúy